

KẾ HOẠCH
Huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp
năm học 2018 – 2019

Thực hiện Quyết định số 1394/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2018 - 2019;

Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh xây dựng kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh các lớp đầu cấp năm học 2018 – 2019, như sau:

I. YÊU CẦU, NGUYÊN TẮC TUYỂN SINH

1. Đảm bảo đủ chỗ học cho con em nhân dân huyện Bình Chánh, đặc biệt là con em gia đình chính sách, gia đình nghèo; thực hiện tốt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ năm tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở và phổ cập bậc trung học. Thực hiện tốt công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở; khuyến khích học sinh thi tuyển vào lớp 10 chọn nguyện vọng phù hợp với khả năng của bản thân, gần nơi cư trú để thuận lợi cho việc tiếp tục học khi trúng tuyển và giảm áp lực giao thông theo chủ trương của Thành phố.

2. Khuyến khích xây dựng trường tiên tiến theo xu thế tiếp cận với khu vực và quốc tế ở mỗi bậc học và cấp học và thực hiện chương trình đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của huyện tại trường Mầm non Hoa Phượng 1.

3. Thực hiện đúng quy chế ở mỗi bậc học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo nghiêm túc, an toàn, công bằng, chính xác, đánh giá đúng trình độ người học, phản ánh đúng chất lượng dạy và học.

4. Nghiêm cấm các trường vận động, quyên góp và thu các khoản ngoài quy định khi tuyển sinh.

5. Tuyên truyền về những chủ trương tuyển sinh đầu cấp của Thành phố và của huyện đến từng hộ dân trên địa bàn; đặc biệt quan tâm các hộ tạm trú, nhà trọ của công nhân.

II. CHỈ TIÊU TUYỂN SINH

1. Huy động trẻ vào trường mầm non

- Dân số độ tuổi sinh năm 2013 (5 tuổi): 7.319 trẻ (trong đó, đang học tại các trường Mầm non - Mẫu giáo: 4.554 trẻ), giảm 2.801 trẻ so với năm học 2017 - 2018.

- Tuyển vào lớp mẫu giáo 5 tuổi: 100% trẻ 5 tuổi: 7.319 trẻ.

- Huy động trẻ vào nhóm trẻ: 4.967 trẻ/26.651 trẻ, tỷ lệ 18,63%; Lớp Mầm: 9.665 trẻ/11.227 trẻ, tỷ lệ 86,09%; Lớp Chồi: 11.319 trẻ/ 12.657 trẻ, tỷ lệ 89,42%.

- Tổ chức giữ trẻ 6 tháng tuổi đến 18 tháng tuổi tại các trường mầm non công lập.

2. Tuyển sinh vào lớp 1

Dân số độ tuổi sinh năm 2012 (6 tuổi): 12.141 trẻ; Tuyển vào lớp 1: 100% trẻ 6 tuổi: 12.141 trẻ, tăng 2.526 học sinh và 50 lớp so với năm học 2017 - 2018

3. Tuyển sinh vào lớp 6

- Tổng số học sinh lớp 5: 6.687 học sinh.
- Dự kiến hoàn thành chương trình bậc Tiểu học: 6.687 học sinh.
- Dự kiến tuyển vào lớp 6: 6.687 học sinh, tăng 150 học sinh và giảm 2 lớp so với năm học 2017 – 2018.

4. Tuyển sinh vào lớp 10

- Tổng số học sinh lớp 9: 5.664 học sinh.
- Số học sinh Tốt nghiệp Trung học cơ sở: 5.650 học sinh.
- Dự kiến đăng ký tuyển vào lớp 10: 4.456 học sinh.

III. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

1. Huy động trẻ ra lớp mầm non 5 tuổi và các lớp khác

a) 100% trẻ 5 tuổi trong diện đi học đang cư trú trên địa bàn Huyện theo phân tuyến do Ban Chỉ đạo huy động trẻ và tuyển sinh qui định vào các lớp đầu cấp được học tại các trường Mầm non - Mẫu giáo công lập và ngoài công lập được phân tuyến địa bàn xã, thị trấn theo quy định (*Bảng chỉ tiêu đính kèm*).

b) Phân đầu thực hiện sĩ số lớp theo Điều lệ trường mầm non (35 học sinh/lớp). Bảo đảm chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng ngày càng cao đối với lớp học 2 buổi/ngày, hàng năm nâng dần tỷ lệ bán trú lớp 5 tuổi. Các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập nhận trẻ năm tuổi phải thực hiện đầy đủ chương trình mầm non theo quy định.

c) Tổ chức nhận trẻ 6 tháng tuổi đến 18 tháng tuổi tại các trường mầm non công lập: Trường MN Hoa Phượng Hồng (2 lớp – 27 cháu); MN Hoa Thiên Lý 1 (1 lớp – 15 cháu); MN Ba By (1 lớp – 15 cháu); MN Hoa Mai (1 lớp – 15 cháu); MN Thủy Tiên 1 (1 lớp – 12 cháu); MN Thủy Tiên 2 (1 lớp – 27 cháu); MN Hướng Dương 2 (2 lớp – 24 cháu); MN Hoa Hồng 2 (2 lớp – 30 cháu); MN Hoa Thiên Lý 2 (1 lớp – 15 cháu); MN Hoàng Anh (1 lớp – 15 cháu); MN Hoa Sen (1 lớp – 15 cháu); MN Hoa Sen 2 (1 lớp – 15 cháu); MN Hoa Sen 3 (1 lớp – 15 cháu); MN Quỳnh Hương 2 (1 lớp – 15 cháu), MN Hoa Lan (1 lớp – 15 cháu).

d) Tiếp tục triển khai đề án xây dựng trường Trường tiên tiến, theo xu thế hội nhập khu vực và quốc tế tại Trường Mầm non Hoa Phượng 1 (xã Vĩnh Lộc A) với số lượng tuyển sinh lớp Mầm: 2 lớp, 70 trẻ (Hiện có nhóm trẻ lên 50 trẻ, tuyển mới 20 trẻ; lớp Chồi: 2 lớp 70 trẻ (Hiện có lớp Mầm lên 70 trẻ); lớp Lá: 2 lớp 70 trẻ (Hiện có lớp Chồi lên 70 trẻ).

đ) Thời gian huy động trẻ

- Các trường thông báo kế hoạch tuyển sinh từ ngày 10 tháng 6 năm 2018.
- Các trường bắt đầu phát hồ sơ và tiếp nhận hồ sơ kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2018.
- Danh sách huy động trẻ được công bố kết quả đồng loạt vào ngày 15 tháng 7 năm 2018.

e) Thành phần hồ sơ

- Đơn xin nhập học (*Theo quy định của Phòng Giáo dục Mầm non Sở Giáo dục và Đào tạo*);
- Bản sao giấy khai sinh hợp lệ;
- Bản sao Hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú tại huyện Bình Chánh;
- Giấy chứng nhận sức khỏe (*Theo quy định của Phòng Giáo dục Mầm non Sở Giáo dục và Đào tạo*).

2. Tuyển sinh vào lớp 1

a) Tuyển sinh lớp 1

- 100% trẻ 6 tuổi (sinh năm 2012) trong diện đi học đang cư trú trên địa bàn Huyện vào học lớp 1 theo phân tuyến do Ban Chỉ đạo huy động trẻ và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp Huyện quy định (*Bảng chỉ tiêu đính kèm*).
- Không nhận học sinh sớm tuổi và không nhận học sinh trái tuyến ngoài huyện.
- Phân đầu thực hiện sĩ số lớp theo Điều lệ trường tiểu học (35 học sinh/lớp). Phân đầu tăng dần tỷ lệ học sinh học 2 buổi/ngày.
- Sĩ số lớp 12.141 học sinh/311 lớp, bình quân 39,04 học sinh/lớp; bán trú: 116 lớp/311 lớp, tỷ lệ 37,30%; lớp học 2 buổi/ngày: 43 lớp, tỷ lệ 13,83%.
- Vận động 100% học sinh lớp 1 tại các trường trên địa bàn huyện học tiếng Anh
- Thời gian tuyển sinh:
 - + Các trường thông báo kế hoạch tuyển sinh từ ngày 15 tháng 6 năm 2018.
 - + Các trường bắt đầu phát hồ sơ và tiếp nhận hồ sơ kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2018.
 - + Danh sách tuyển sinh được công bố kết quả đồng loạt vào ngày 31 tháng 7 năm 2018.
- Thành phần hồ sơ:
 - + Phiếu đăng ký nhập học;
 - + Bản sao khai sinh hợp lệ;
 - + Bản sao Hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú tại huyện Bình Chánh;

b) Tuyển sinh lớp 1 tăng cường ngoại ngữ (tiếng Anh): Tiếp tục thực hiện chương trình lớp 1 tăng cường ngoại ngữ (tiếng Anh) theo chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo. Đối tượng dự tuyển là những học sinh lớp 1 của nhà trường theo chỉ tiêu phân tuyến (*Theo chỉ tiêu đính kèm*). Việc tuyển sinh do trường tự tổ chức dưới sự chỉ đạo của Phòng Giáo dục và Đào tạo theo hướng dẫn chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo và theo nhu cầu của phụ huynh học sinh.

c) Tuyển sinh lớp 1 Chương trình Tiếng Anh theo Đề án 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Đối tượng dự tuyển là những học sinh lớp 1 của nhà trường theo chỉ tiêu phân tuyến (*Theo chỉ tiêu đính kèm*); Việc tuyển sinh do trường tự tổ chức dưới sự chỉ đạo của Phòng Giáo dục và Đào tạo theo hướng dẫn chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

3. Tuyển sinh vào lớp 6

a) Tuyển sinh lớp 6

- 100% học sinh trong độ tuổi qui định đã hoàn thành chương trình Tiểu học trên địa bàn huyện được vào học lớp 6 ở các trường công lập trên địa bàn Huyện. Ưu tiên cho học sinh có hộ khẩu thường trú trên địa bàn huyện. Nâng dần tỷ lệ học sinh được học 2 buổi/ngày và phấn đấu đảm bảo sĩ số trường đạt chuẩn Quốc gia (*Bảng chỉ tiêu đính kèm*).

- Không tổ chức thi tuyển.

- Số lượng học sinh từng lớp không vượt quá 45 học sinh/lớp.

- Sĩ số lớp: 6.687 học sinh/155 lớp, bình quân 43,14 học sinh/lớp; có 17 lớp bán trú, tỷ lệ 10,97%; lớp học 2 buổi/ngày: 97 lớp, tỷ lệ 62,58%.

- Thời gian tuyển sinh:

+ Các trường thông báo kế hoạch tuyển sinh từ ngày 01 tháng 6 năm 2018

+ Các trường bắt đầu phát hồ sơ và tiếp nhận hồ sơ kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2018.

+ Danh sách tuyển sinh được công bố kết quả đồng loạt vào ngày 15 tháng 7 năm 2018.

- Thành phần hồ sơ:

+ Phiếu đăng ký nhập học;

+ Học bạ lớp 5;

+ Giấy Chứng nhận hoàn thành Chương trình Tiểu học; (Nếu có);

+ Bản sao Hộ khẩu hoặc tạm trú tại huyện Bình Chánh.

b) Tuyển sinh lớp 6 tăng cường ngoại ngữ (Tiếng Anh)

- Các trường trung học cơ sở có tổ chức dạy cường ngoại ngữ (Tiếng Anh) sẽ tiếp nhận học sinh đã được công nhận đạt yêu cầu cấp tiểu học của chương trình và có điểm toàn năm từng kỹ năng từ 6 điểm trở lên hoặc có chứng chỉ Cambridge Flyer

đạt 10/15 khiên hoặc TOEFL Primary Step 2 đạt 3/5 huy hiệu. (*Bảng chỉ tiêu đính kèm*).

- Thời gian tuyển sinh bắt đầu từ ngày 15 tháng 6 năm 2018 và danh sách tuyển sinh được công bố kết quả đồng loạt vào ngày 15 tháng 7 năm 2018.

- Thành phần hồ sơ:

+ Phiếu đăng ký nhập học;

+ Học bạ lớp 5;

+ Giấy Chứng nhận hoàn thành Chương trình Tiểu học (Nếu có);

+ Chứng chỉ Cambridge Flyer đạt 10/15 khiên hoặc TOEFL Primary Step 2 đạt 3/5 huy hiệu;

+ Bản sao Hộ khẩu hoặc tạm trú tại huyện Bình Chánh.

4. Tuyển sinh vào lớp 10

Thực hiện theo mục IV Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp từ năm học 2018 – 2019 ban hành kèm theo Quyết định số 1394/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố và Công văn số 1147/GDDĐT-KTKĐCLGD ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thi tuyển vào lớp 10 trung học phổ thông năm học 2018 – 2019.

5. Tuyển sinh vào trung cấp chuyên nghiệp - Hệ sau trung học cơ sở

- Học sinh đã tốt nghiệp trung học cơ sở có thể đăng ký xét tuyển vào học tại các trường trung cấp chuyên nghiệp trên địa bàn thành phố có tuyển học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở.

- Căn cứ xét tuyển:

+ Điểm tốt nghiệp trung học cơ sở;

+ Điểm tổng kết các môn học 4 năm trung học cơ sở;

+ Điểm tổng kết các môn học năm cuối cấp trung học cơ sở.

- Nộp hồ sơ xét tuyển trực tiếp tại trường theo các đợt tuyển sinh trong năm do trường quy định.

6. Tuyển sinh vào Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên: Những học sinh đang học tại các trường trung học cơ sở trên địa bàn huyện Bình Chánh có hồ sơ hợp lệ được dự xét tuyển vào lớp 10 của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Huyện:

- Hồ sơ xét tuyển bao gồm:

+ Đơn xin xét tuyển (theo mẫu của trường);

+ Học bạ cấp trung học cơ sở (bản chính);

+ Bảng tốt nghiệp trung học cơ sở (bản chính) hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp (tạm thời) trong năm dự tuyển do Hiệu trưởng trường trung học cơ sở cấp;

+ Bản sao giấy khai sinh hợp lệ; Nộp hồ sơ xét tuyển trực tiếp tại Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Huyện từ ngày 15 tháng 7 năm 2018 đến ngày 15 tháng 8 năm 2018.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Phòng Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn phối hợp triển khai thực hiện tốt Kế hoạch này. Thông báo rộng rãi kế hoạch huy động trẻ và tuyển sinh các lớp đầu cấp trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Tham mưu thành lập Ban Chỉ đạo công tác huy động trẻ và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp của Huyện, để chỉ đạo và kiểm tra công tác tuyển sinh của các trường Mầm non - Mẫu giáo, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông trên địa bàn Huyện.

- Chỉ đạo các trường lập Hội đồng tuyển sinh của trường và ra Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh cho các trường Mầm non - Mẫu giáo Tiểu học và THCS để thực hiện công tác tuyển sinh theo đúng kế hoạch và quy định.

- Báo cáo kết quả tuyển sinh về Ban chỉ đạo công tác huy động trẻ và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp của Huyện kết quả tuyển sinh sau kết thúc thời gian tuyển sinh.

- Chỉ đạo các trường Mầm non - Mẫu giáo, Tiểu học, Trung học cơ sở:

+ Xây dựng kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2018 – 2019 của đơn vị.

+ Thành lập Hội đồng tuyển sinh trường để thực hiện công tác tuyển sinh theo đúng kế hoạch.

+ Báo cáo kết quả tuyển sinh về Phòng Giáo dục và Đào tạo kết quả huy động trẻ và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp của trường theo tiến độ và kết quả tuyển sinh sau kết thúc thời gian tuyển sinh.

+ Kiểm tra và cập nhật đầy đủ danh sách học sinh đầu cấp và cuối cấp trên hệ thống thông tin quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo.

+ Rà soát và lập danh sách học sinh đầu cấp là học sinh khuyết tật học hòa nhập để bố trí vào các lớp theo đúng qui định.

2. Giao Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên Huyện

- Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2018 – 2019 tại đơn vị.

- Phối hợp Phòng Giáo dục và Đào tạo, các trường trung học cơ sở tăng cường công tác tư vấn hướng nghiệp và định hướng phân luồng sau trung học cơ sở.

- Phối hợp Phòng Giáo dục và Đào tạo lập danh sách học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở đi học ở các trường trung cấp nghề, giáo dục thường xuyên, không thi vào lớp 10 để tổng hợp báo cáo Thường trực Ủy ban nhân dân Huyện.

- Thống kê số liệu và tổng hợp danh sách học sinh tuyển mới vào các lớp thuộc các hệ đào tạo của các trường cao đẳng, trung cấp trên địa bàn Thành phố những học sinh của các trường trung học cơ sở trên địa bàn Huyện báo cáo về Ban Chỉ đạo huy động trẻ và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2018 – 2019 (thông qua Phòng Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp).

3. Giao Trường Trung cấp Trần Đại Nghĩa

- Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện tuyển sinh năm học 2018 – 2019 vào các lớp thuộc các hệ đào tạo của trường.

- Phối hợp Phòng Giáo dục và Đào tạo, các trường trung học cơ sở, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên Huyện tổ chức công tác tư vấn hướng nghiệp và định hướng phân luồng sau trung học cơ sở.

- Thống kê số liệu và tổng hợp danh sách học sinh tuyển mới vào các lớp thuộc các hệ đào tạo của trường những học sinh của các trường trung học cơ sở trên địa bàn Huyện báo cáo về Ban Chỉ đạo huy động trẻ và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2018 – 2019 của Huyện (thông qua Phòng Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp).

4. Đề nghị các trường trung học phổ thông

- Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2018 – 2019 của trường.

- Thống kê số liệu và tổng hợp danh sách học sinh trúng tuyển vào lớp 10 của trường những học sinh của các trường trung học cơ sở trên địa bàn Huyện báo cáo về Ban Chỉ đạo huy động trẻ và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2018 – 2019 của Huyện (thông qua Phòng Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp).

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Huyện, Hội Khuyến học Huyện, Hội Liên hiệp Phụ nữ Huyện, Hội Nông dân Huyện, Hội Cựu chiến binh Huyện, Hội Cựu Giáo chức Huyện, Hội Người cao tuổi Huyện, Huyện đoàn

Tuyên truyền vận động hội viên, đoàn viên thực hiện tốt “Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường”, thực hiện việc đăng ký cho trẻ vào các lớp mầm non – mẫu giáo và các lớp đầu cấp theo đúng qui định và tiến độ của kế hoạch này.

6. Giao Giao Đài Truyền thanh Huyện: Thông tin trên hệ thống Đài Truyền thanh Huyện, Tuần tin Bình Chánh về kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2018 – 2019.

7. Giao Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

- Phối hợp chặt chẽ với Phòng Giáo dục và Đào tạo trong công tác huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp; đồng thời, chịu trách nhiệm cập nhật đầy đủ, chính xác danh sách trẻ trong độ tuổi huy động và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp.

- Phối hợp với các ban ngành đoàn thể của xã, thị trấn thực hiện việc tuyên truyền vận động trẻ ra lớp theo đúng tiến độ; đồng thời, thường xuyên thông tin, tuyên truyền trên hệ thống phát thanh của xã, thị trấn về kế hoạch huy động trẻ và tuyển sinh các lớp đầu cấp trên địa bàn, đảm bảo thông tin tuyên truyền đến từng tổ nhân dân, tổ dân phố và hộ gia đình để thực hiện đúng thời gian quy định.

- Chỉ đạo Trung tâm Học tập cộng đồng xã, thị trấn thường xuyên rà soát, lập danh sách trẻ ra lớp theo đúng tiến độ.

Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị các cơ quan, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT;
- TTHU, TTHĐND, TTUB;
- Ban KTXH-HĐND/H;
- UBMTTQVN và các đoàn thể Huyện;
- HKH, HCGC, HNCT/H, ĐTT;
- P.GD&ĐT, Trường TC TĐN;
- TTGDNN-GDTX, Các trường THPT;
- Các Trường MN-MG, TH, THCS;
- UBND các xã, thị trấn;
- CVP, PVP (H);
- Lưu: VT, TH (D).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Thị Cẩm Nhung



Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Đính kèm Kế hoạch số **171** /KH-UBND ngày **05** tháng **6** năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh)

Tên xã-thị trấn	Tổng số trẻ trong xã (5 tuổi)	Tên trường MG, MN	Tổng số phòng học	Nhóm trẻ			Số lớp	Mầm			Số lớp	Chồi			Số lớp	Lá			Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi				Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi			
				Nhóm	Số trẻ			Tổng số	Hiện có	Tuyển mới		Tổng số	Hiện có	Tuyển mới		Tổng số	Hiện có	Tuyển mới	Tổng số	Hiện có	Tuyển mới	Số lớp		Số trẻ		
					Tổng số	Hiện có																		Tổng số	Hiện có	Tuyển mới
1, Công lập	7319		378	54	1630	216	1414	76	2965	806	2159	95	3629	1755	1874	131	4850	2384	2585	20	279	55	224	66,27		
Bình Hưng	496	MN Thủy Tiên	9	1	30		30	2	80	26	54	2	80	57	23	4	160	81	79		0				32,26	
		MN Thủy Tiên 1	11	2	60	14	46	2	80	33	47	2	64	64	0	4	160	76	84	1	15	9	6	32,26		
		MN Thủy Tiên 2	14	2	60	34	26	3	120	35	85	4	160	108	52	4	160	148	12	1	15		15	32,26		
Phong Phú	341	MN Hướng Dương	15	1	30	0	30	3	160	32	128	4	160	90	70	6	191	136	55		0				56,01	
		MN Hướng Dương 2	16	2	60	29	31	3	120	59	61	3	120	90	30	6	150	80	70	2	24	11	13	43,99		
Đa Phước	301	MN Ngọc Lan	11	1	35	0	35	2	80	27	53	2	80	74	6	6	240	87	153		0				79,73	
Qui Đức	181	MN Phong Lan	16	2	60		60	5	175	30	145	5	175	80	95	5	181	92	89		0				100,00	
Hưng Long	286	MG Quỳnh Anh	16	3	90		90	3	105	24	81	4	140	37	103	6	220	58	162		0				76,92	
Tân Quý Tây	377	MN Hoa Hồng	11	1	30	0	30	2	80	17	63	3	120	43	77	5	175	72	103		0				46,42	
		MN Hoa Hồng 2	14	3	90	14	76	2	80	33	47	3	120	64	56	4	160	76	84	2	30	17	13	42,44		
Bình Chánh	408	MN Hoa Mai	14	3	90	27	63	2	80	58	22	3	120	88	32	5	200	131	69	1	15	0	15	49,02		
An Phú Tây	180	MN Hoa Lan	17	3	90	0	90	4	160	25	135	4	160	39	121	5	180	118	62	1	15	0	15	100,00		
Tân Túc	308	MN Hoàng Anh	11	2	60	33	27	2	80	29	51	2	80	72	8	3	120	83	37	2	25		25	38,96		
		MN Hoàng Anh 2	9	1	30		30	3	120	21	99	2	80	31	49	3	120	49	71		0			38,96		
Tân Kiên	451	MN Ba By	15	2	60	13	47	3	120	34	86	4	160	79	81	5	200	115	85	1	15	6	9	44,35		
Tân Nhựt	230	MN Hoa Anh Đào	10	2	60	0	60	2	80	35	45	3	120	88	32	3	120	107	13		0				52,17	
		MG Hoa Đào	8		0			1	35		35	2	80	8	72	5	110	23	87		0				47,83	
Bình Lợi	157	MG Sen Hồng	14	2	60		60	4	120		120	4	120	31	89	4	157	48	109		0				100,00	
Lê Minh Xuân	286	MN Hoa Sen	17	3	90	13	77	3	120	32	88	4	140	60	80	3	100	70	90	2	25		25	34,97		
		MN Hoa Sen 2	14	3	75		75	3	120	22	98	5	175	22	153	3	100	29	111		0			34,97		
		MN Hoa Sen 3																								

Tên xã-thị trấn	Tổng số trẻ trong xã (5 tuổi)	Tên trường MG, MN	Tổng số phòng học	Nhóm trẻ				Mầm				Chồi				Lá				Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi				Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
				Nhóm	Số trẻ			Số lớp	Số trẻ			Số lớp	Số trẻ			Số lớp	Số trẻ			Số lớp	Số trẻ			
					Tổng số	Hiện có	Tuyển mới		Tổng số	Hiện có	Tuyển mới		Tổng số	Hiện có	Tuyển mới		Tổng số	Hiện có	Tuyển mới		Tổng số	Hiện có	Tuyển mới	
Phong Phú	341	MN Chú Ong Vàng	6	2	40	9	31	2	60	10	50	1	35	22	13									
		MN Bé Thông Minh	7	1	20		20	3	90	9	81	3	90	31	59									
		MN Bé Vui	6	2	40	2	38	2	60	9	51	2	60	16	44									
		MN Canada-Việt Nam	9	2	40	17	23	3	90	19	71	4	120	33	87									
		MN Bé Xinh	8	2	40	10	30	3	90	11	79	3	90	41	49									
		Nhóm lớp mầm non	22	8	160	27	133	6	180	57	123	7	245	121	124									
Đa Phước	301	Nhóm lớp mầm non	10		0			3	105		105	5	150	108	42	2	61	61	0					20,27%
Qui Đức	180	Nhóm lớp mầm non	6	1	25		25	2	60	14	46	3	105	22	83									
Hưng Long	286	Nhóm lớp mầm non	12	2	50	7	43	4	120	8	112	4	120	55	65	2	66	59	7					17,91%
Tân Quý Tây	377	MN Hương Mai	4	1	25		25	1	30	13	17	1	35	21	14	1	24	24						
		MN Ngọc Trâm	4	1	25	5	20	2	60	25	35	2	60	37	23	1	18	18						
		MN Bông Sen Hồng	8	2	40		40	3	90	21	69	3	90	34	56									
		Nhóm lớp mầm non	18	3	75	20	55	7	180	18	162	8	180	92	88									18,63%
Bình Chánh	408	MN Sơn Ca	7	1	25		25	2	60	25	35	2	70	51	19	2	70	62	8					
		Nhóm lớp mầm non	28	8	180	32	148	8	240	67	173	7	210	144	66	5	138	129	9					46,95%
An Phú Tây	181	MN Hoa Mi	5					2	60		60	3	90	33	57									
		MN Ty Vy	5	1	20		20	2	60	5	55	2	70	30	40									0,00%
		Nhóm lớp mầm non	8		0			4	120	3	117	4	120	53	67									
Tân Túc	308	Nhóm lớp mầm non	24	2	60	5	55	10	300	35	265	10	300	150	150	2	68							13,71%
Tân Kiên	451	MN Tuổi Ngọc	5	1	25		25	1	30	9	21	2	60	13	47	1	14	14						
		MN Minh Thư	5	1	25		25	1	30	15	15	2	60	20	40	1	21	21						
		MN Hoa Hường Dương	6	1	25	12	13	1	35	16	19	2	70	45	25	2	66	66						
		MN Hoa Quỳnh	10	2	50	20	30	2	70	25	45	3	105	80	25	3	83	83						
		MN Mặt Trời Đỏ	4	1	25	9	16	1	35	7	28	1	35	24	11	1	24	24						
		Nhóm lớp mầm non	26	8	160	26	134	8	240	73	167	8	240	179	61	2	43							
Tân Nhứt	230	Nhóm lớp mầm non	7	1	25	11	14	3	90	37	53	3	90	51	39									0%
Bình Lợi	157	Nhóm lớp mầm non	4		0			2	60	12	48	2	60	32	28									0%
Lê Minh Xuân	286	MN Thiên Ân	5	1	25		25	3	90	15	75	3	90	20	70									
		Nhóm lớp mầm non	22	4	92	12	80	9	270	73	197	9	270	179	91									0%
Phạm Văn Hai	413	MN Anh Duy	5	1	30		30	1	35	34	1	2	70	31	39	1	31	31						
		MN Uyên Nhi	4	1	25		25	1	35	17	18	1	35	21	14	1	22	22						
		Nhóm lớp mầm non	23	6	150		150	9	270	49	221	8	240	181	59		0							13%
Vĩnh Lộc A	1892	MN Thanh Ngân	8	2	60		60	2	70	40	30	2	70	50	20	2	70	52	18					
		MN Hoa Hồng Nhỏ	6	1	25		25	2	60	15	45	2	70	44	26	1	70	46	24					
		MN Ngôi Sao Việt	7	1	25		25	2	60	40	20	2	70	40	30	2	70	42	28					
		MN Hoa Hồng Nhung	7	1	25		25	2	60	20	40	2	60	40	20	2	70	50	20					
		MN Việt Mỹ	19	2	70	70		5	175	106	69	6	258	258	0	6	309	309	0					
		MN Ngôi Nhà Hạnh Phúc	8	2	40		40	2	60	20	40	2	70	23	47	2	70	30	40					
		MG Bình Minh	9		0			3	90		90	3	127	127	0	3	105	92	13					
		Nhóm lớp mầm non	130	26	650	46	604	41	1230	217	1013	44	1320	764	556	19	588	588						
Vĩnh Lộc B	1012	MN Lan Nhi	11	3	75		75	2	80	64	16	2	80	62	18	4	105	85	20					
		MN An Bình	8	2	50		50	2	60	26	34	2	60	51	9	2	70	69	1					
		Nhóm lớp mầm non	80	15	375	75	300	28	840	253	587	31	930	627	303	6	177	177						36,71%
Tổng	7319		1059	193	4967	722	4245	296	9665	2589	7076	339	11319	6183	5136	208	7319	4554	2773	20	279	55	224	

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

Phụ lục 2: Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể từng phường, trường tiểu học

Tên trường TiH	Tên phường, khu phố	Tổng số trẻ 6 tuổi				Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận					Tỷ lệ huy động
		Tổng số	Thường trú	KT 3	Tạm trú	Tổng số lớp	Số HS/ lớp	Số lớp				Tổng số HS	
								Học 1 buổi	Học 2 buổi	TC NN	Bán trú		
TH Bình Hưng	Ấp 1 (43), ấp 1A (30), ấp 2 (143), Xã Bình Hưng, KDC Phong Phú 5 (18)	234	164	70		6	39,0		6	3	5	234	100%
TH Phạm Hùng	Tạm trú ấp 1 (54), ấp 1A (50), ấp 2A (43) Ấp 3 (56), ấp 3A (46), ấp 3B (27) ấp 4 (77), ấp 4A (82). ấp 4B (52), ấp 5 (42), ấp 5A (53) xã Bình Hưng	581	171	171	239	15	38,7	8	7	4	7	581	100%
TH Phong Phú	Ấp 1 (116), Ấp 2 (27), Ấp 4 (46) Xã Phong Phú + xã Đa Phước (114)	303	221	26	56	8	37,9		8		8	303	100%
TH Phong Phú 2	Ấp 2 (49), Ấp 3 (41), Ấp 4 (61), ấp 5 (152) Xã Phong Phú	303	180		123	8	37,9		8	2	8	303	100%
TH Nguyễn Văn Trân	Xã Đa Phước (210)	210	210			6	35,0		6	2	4	210	100%
TH Qui Đức	Xã Qui Đức (306) + (145) xã Đa Phước + (44) Ấp 1 xã Hưng Long	495	287	208		13	38,1		13		8	495	100%
TH Hưng Long	Xã Hưng Long (342)	342	236	4	102	10	34,2	5	5		5	342	100%
TH Tân Quý Tây	Tổ 1 đến tổ 11 ấp 1 (70), Tổ 1,2,3,4,5,6,7,8,11,12 và 1 phần tổ 13,15,17 (các hộ gần kênh T13) ấp 2 (53), ấp 4 (108) Xã Tân Quý Tây	231	178	8	45	7	33,0		7	2	4	231	100%
TH Tân Quý Tây 3	Ấp 3 (133), Tổ 12 đến tổ 18 ấp 1 (51) Tổ 9,10,14,16 và 1 phần tổ 13,15,17 (các hộ gần kênh T12 và các hộ cập đường Đoàn Nguyễn Tuấn khu vực ấp 2 (67) Xã Tân Quý Tây	251	198	11	42	7	35,9		7	3	4	251	100%

Tên trường TiH	Tên phường, khu phố	Tổng số trẻ 6 tuổi				Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận					Tỷ lệ huy động
		Tổng số	Thường trú	KT 3	Tạm trú	Tổng số lớp	Số HS/ lớp	Học 1 buổi	Số lớp			Tổng số HS	
									Học 2 buổi	TC NN	Bán trú		
TH Bình Chánh	Ấp 3 (179), Ấp 4 (131) + tổ 1 đến tổ 8 ấp 2 (40) Xã Bình Chánh	350	242	14	94	9	38,9		9	4	6	350	100%
TH Trần Nhân Tôn	Ấp 1 (147), Ấp 2 từ tổ 9 đến tổ 23 (84) xã Bình Chánh	231	204	5	22	6	38,5		6	2	4	231	100%
TH An Phú Tây	Ấp 1 (146) , Ấp 2 (70) Xã An Phú Tây	216	101	13	102	6	36,0		6	3	4	216	100%
TH An Phú Tây 2	Tổ Ấp 2 (60), Ấp 3 (102) xã An Phú Tây, một phần ấp 5, một phần ấp 6 xã Hưng Long (57)	219	127	18	74	6	36,5		6	2	5	219	100%
TH Tân Túc	KP 1 (67), KP 2 (69), KP3 (100) Thị trấn Tân Túc	236	225	11		6	39,3		6		5	236	100%
TH Tân Túc 2	KP 4 (127), KP 5 (109) Thị trấn Tân Túc	236	192	44		6	39,3		6		4	236	
TH Tân Kiên	ấp 1, 2, 3 Xã Tân Kiên (894)	894	287	86	521	20	44,7	9	11		6	894	100%
TH Tân Nhựt	Ấp 1 (44), ấp 2 (106), ấp 3 (60), Xã Tân Nhựt	210	198	12		6	35,0		6		4	210	100%
TH Tân Nhựt 6	Ấp 4 (55) ấp 6 (37) Xã Tân Nhựt + ấp 4 xã Tân Kiên (140)	232	155	15	62	6	38,7		6	2	4	232	100%
TH Bình Lợi	Ấp 2 (47), ấp 3 (102), tổ 1 đến tổ 7 ấp 4 (48) xã Bình Lợi và HS tổ 1 đến tổ 5 ấp 2 xã LMX (25)	222	132	18	72	6	37,0		6		3	222	100%
TH Lê Minh Xuân 2	Ấp 5 (49) , Ấp 1 xã Bình Lợi (43), tổ 15,16 ấp 7 (33), Ấp 1 (28), Ấp 3 xã Tân Nhựt (10).	163	116	11	36	4	40,8		4		3	163	100%
TH Lê Minh Xuân 3	Tổ 6 đến tổ 13 ấp 2 (43), ấp 3 (49), ấp 4 (32) Xã LMX,	124	82	21	21	3	41,3		3		2	124	100%

Tên trường TiH	Tên phường, khu phố	Tổng số trẻ 6 tuổi				Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận					Tỷ lệ huy động
		Tổng số	Thường trú	KT 3	Tạm trú	Tổng số lớp	Số HS/ lớp	Số lớp				Tổng số HS	
								Học 1 buổi	Học 2 buổi	TC NN	Bán trú		
TH Cầu Xáng	Ấp 1 Xã Lê Minh Xuân (104), tổ 8 ấp 4 Bình Lợi (48), Ấp 3 xã Phạm Văn Hai thường trú (71)	223	127	90	6	6	37,2		6	2	4	223	100%
TH An Hạ	Ấp 4 (46), ấp 5 (117), ấp 6 (41), ấp 7 (20), ấp 3 Tạm trú (58) Xã PVH	282	161	13	108	8	35,3		8		6	282	100%
TH Phạm Văn Hai	ấp 1 (131), ấp 2 (91) Xã PVH + Ấp 7 từ tổ 11 đến tổ 14 (62), ấp 6 xã LMX (99)	383	199	39	145	9	42,6	9				383	100%
TH Võ Văn Vân	ấp 1 Xã PVH (30) + ấp 7 từ tổ 1 đến tổ 10 xã LMX (105) + HS ấp 1A (180) xã VLB	315	121	61	133	8	39,4	5	3		3	315	100%
TH Vĩnh Lộc 1	Ấp 1, 1A, 1B Xã Vĩnh Lộc A thường trú, KT3, KT2 (225)	225	116	32	77	7	32,1	7				225	100%
TH Vĩnh Lộc 2	Ấp 3 (225), ấp 3A (181), 5A (186) Xã Vĩnh Lộc A	592	162	112	318	13	45,5	13				592	100%
TH Vĩnh Lộc A	Ấp 6 (168), ấp 6A (122), ấp 6B (144), ấp 6C (259) ; Ấp 4 (379), ấp 4A (115), tạm trú ấp 1, ấp 1A, ấp 1 B xã Vĩnh Lộc A (292)	1479	472	178	829	34	43,5	34				1479	100%
TH Vĩnh Lộc A (mới)	Ấp 2 (213), Ấp 2A (168), ấp 5 (205), xã Vĩnh Lộc A, ấp 4 (100), ấp 4B (156) xã Vĩnh Lộc B	842	271	98	473	22	38,3	22				842	100%
TH Vĩnh Lộc B	Ấp 1 (190), ấp 1B (190), Ấp 2A (80), ấp 2B (33), ấp 2C (94), ấp 6A (89) xã Vĩnh Lộc B	676	243	95	338	18	37,6	18				676	100%

Tên trường TiH	Tên phường, khu phố	Tổng số trẻ 6 tuổi				Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận					Tỷ lệ huy động
						Tổng số lớp	Số HS/ lớp	Số lớp				Tổng số HS	
		Tổng số	Thường trú	KT 3	Tạm trú			Học 1 buổi	Học 2 buổi	TC NN	Bán trú		
TH Lại Hùng Cường	Ấp 2 (172), ấp 3 (138), 1 phần ấp 5 (83) xã Vĩnh Lộc B	393	125	87	181	10	39,3	10				393	100%
TH Trần Quốc Toàn	Ấp 3A (80), 3B (15), Ấp 4A (71), một phần ấp 5 (125), ấp 6 (157)	448	183	71	194	12	37,3	12				448	100%
Tổng cộng		12141	6086	1642	4413	311	39,04	152	159	31	116	12141	100%

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

Phụ lục 3a: Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể lớp tăng cường ngoại ngữ trường tiểu học (nếu có)

Trường tiểu học	Số lớp tăng cường	Số học sinh	Sĩ số lớp	Ghi chú (Ghi cụ thể ngoại ngữ tăng cường)
TH Bình Hưng	2	76	38,0	Tiếng Anh
TH Phạm Hùng	4	180	45,0	Tiếng Anh
TH Phong Phú 2	2	72	36,0	Tiếng Anh
TH Nguyễn Văn Trân	2	74	37,0	Tiếng Anh
TH Tân Quý Tây	3	105	35,0	Tiếng Anh
TH Tân Quý Tây 3	4	144	36,0	Tiếng Anh
TH Bình Chánh	4	156	39,0	Tiếng Anh
TH Trần Nhân Tôn	3	93	31,0	Tiếng Anh
TH An Phú Tây	3	105	35,0	Tiếng Anh
TH An Phú Tây 2	3	111	37,0	Tiếng Anh
TH Tân Túc	2	75	37,5	Tiếng Anh
TH Tân Túc 2	2	72	36,0	Tiếng Anh
TH Tân Nhựt 6	2	87	43,5	Tiếng Anh
TH Cầu Xáng	3	105	35,0	Tiếng Anh
Tổng số	39	1455	37,3	

Phụ lục 3b: Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể lớp Tiếng Anh theo Đề án 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu có)

Trường tiểu học	Số lớp TA theo ĐA 2020	Số học sinh	Sĩ số lớp	Ghi chú
TH Bình Hưng	4	149	37,25	
TH Phạm Hùng	9	401	44,56	
TH Phong Phú	8	303	37,88	
TH Phong Phú 2	7	256	36,57	
TH Nguyễn Văn Trân	4	147	36,75	
TH Qui Đức	13	495	38,08	
TH Hưng Long	10	386	38,60	
TH Tân Quý Tây	4	140	35,00	
TH Tân Quý Tây 3	3	107	35,67	
TH Bình Chánh	5	202	40,40	
TH Trần Nhân Tôn	5	150	30,00	
TH An Phú Tây	3	111	37,00	
TH An Phú Tây 2	3	114	38,00	
TH Tân Túc	4	180	45,00	
TH Tân Túc 2	4	164	41,00	
TH Tân Kiên	20	894	44,70	
TH Tân Nhựt	6	210	35,00	
TH Tân Nhựt 6	3	129	43,00	
TH Lê Minh Xuân 2	4	168	42,00	
TH Lê Minh Xuân 3	4	142	35,50	
TH Cầu Xáng	3	105	35,00	
TH Bình Lợi	6	231	38,50	
TH An Hạ	8	312	39,00	
TH Phạm Văn Hai	9	411	45,67	
TH Võ Văn Vân	8	315	39,38	

TH Vĩnh Lộc 2	13	592	45,54	
TH Vĩnh Lộc A mới	22	842	38,27	
TH Vĩnh Lộc B	18	676	37,56	
Tổng số	210	8332	39,68	

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

Phụ lục 4: Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể từng phường, trường trung học cơ sở

Tên trường THCS	ấp, khu phố	Tổng số học sinh tốt nghiệp tiểu học	Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận					Sĩ số bình quân
			Tổng số lớp	Số HS	Số lớp				Tổng số HS tuyển vào lớp 6	
					Học 1 buổi	Học 2 buổi	TC NN	Bán trú		
THCS Nguyễn Thái Bình	Xã Bình Hưng (TH BH: 212; TH PH: 203)	415	9	415	9		2		415	46,11
THCS Phong Phú	Xã Phong Phú (TH PP 191; TH PP2: 131)	322	8	322		8		3	322	40,25
THCS Đa Phước	Xã Đa Phước TH NVT (205)	205	6	205		6	2	2	205	34,17
THCS Qui Đức	Xã Qui Đức (TH QĐ 223)	223	5	223		5		2	223	44,60
THCS Hưng Long	Xã Hưng Long (TH HL: 313)	313	7	313		7			313	44,71
THCS Tân Quý Tây	Xã Tân Quý Tây TH TQT (238), TH TQT3 (140)	378	9	378		9	2		378	42,00
THCS Bình Chánh	Xã Bình Chánh TH BC (245), TH TNT (183)	428	10	428		10	3	3	428	42,80
THCS Nguyễn Văn Linh	Xã An Phú Tây TH APT 202, TH APT 2: 151)	353	8	353		8	2	3	353	44,13
THCS Tân Túc	Thị trấn Tân Túc TH Tân Túc 284, Xã Tân Nhựt TH TN6: 96, TH TN: 39	419	10	419		10		4	419	41,90
THCS Tân Kiên	Xã Tân Kiên (378), TH TN6: 26	404	9	404	9				404	44,89
THCS Tân Nhựt	Xã Tân Nhựt (TH Tân Nhựt: 113, TH TN6: 14) , TH LMX2 (155) , TH LMX 3 (25)	307	7	307		7	2		307	43,86
THCS Gò Xoài	TH Bình Lợi (120), TH LMX 3 (6)	126	3	126		3			126	42,00
THCS Lê Minh Xuân	TH PVH (267), TH LMX 3 (24), TH VVV (65)	356	8	356	8				356	44,50
THCS Phạm Văn Hai	TH CX (205), TH AH (188), TH LMX3(53)	446	10	446		10	1		446	44,60
THCS Đồng Đen	Xã Vĩnh Lộc A (TH VL2: 305)	305	7	305	7				305	43,57
THCS Vĩnh Lộc A	Xã Vĩnh Lộc A TH VLA:341	341	8	341	8				341	42,63
THCS Vĩnh Lộc B	Xã Vĩnh Lộc B (TH LHC: 192: TH TQ Toàn:403; TH VL1: 224)	819	19	819		19			819	43,11
THCS Võ Văn Vân	Xã Vĩnh Lộc B (TH VLB: 264; Xã Phạm Văn Hai (TH VVV: 263)	527	12	527		12			527	43,92
Tổng cộng		6687	155	6687	41	114	14	17	6687	43,14

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

Phụ lục 5: Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể lớp tăng cường ngoại ngữ trường trung học cơ sở (nếu có)

Trường	Số lớp tăng cường	Số học sinh	Sĩ số/ lớp	Ghi chú
				(Ghi cụ thể ngoại ngữ tăng cường)
THCS Nguyễn Thái Bình	2	76	38	Tiếng Anh
THCS Đa Phước	2	80	40	Tiếng Anh
THCS Tân Quý Tây	2	73	36,5	Tiếng Anh
THCS Bình Chánh	4	140	35,0	Tiếng Anh
THCS Nguyễn Văn Linh	3	105	35,00	Tiếng Anh
THCS Phạm Văn Hai	1	32	32	Tiếng Anh
Tổng số	14	506	36,14	

Phụ lục 6: Bảng số liệu chỉ tiêu trường trung học phổ thông

Trường THPT	Số lớp	Số học sinh	Sĩ số lớp	Ghi chú
THPT Đa Phước	15	675	45	
THPT Bình Chánh	16	720	45	
THPT Tân Túc	15	675	45	
THPT Lê Minh Xuân	17	765	45	
THPT Vĩnh Lộc B	15	675	45	
THPT Năng khiếu TDTT huyện Bình Chánh	12	540	45	
Tổng số	90	4050	45	

Phụ lục 6: Bảng số liệu chỉ tiêu huy động học sinh

Trường	Số lượng học sinh huy động vào trường TCCN	Ghi chú
Trung cấp nghề Trần Đại Nghĩa	180	
Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Phú Lâm	44	
Trung học kỹ thuật nghiệp vụ Nam Sài Gòn	116	
Trung cấp Thủy sản	118	
Tổng số	458	

Phụ lục 7: Bảng số liệu chỉ tiêu trung tâm giáo dục thường xuyên của quận, huyện

Trung tâm GDTX	Số lớp	Số học sinh	Sĩ số lớp (Tối đa 45HS/1 lớp)	Ghi chú
Trung tâm GDNN - GDTX Bình Chánh	6	210	35	
Tổng số	6	210	35	

